

Số: 387/BC-STP

An Giang, ngày 29 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định ban hành
Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 3384/STNMT-MT ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị thẩm định văn bản QPPL Dự thảo Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Cơ quan soạn thảo quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (sau đây viết tắt là Luật Bảo vệ môi trường), Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT) bao gồm:

1. Quy định chi tiết thi hành điểm c khoản 5 Điều 51; điểm b khoản 6 Điều 52; khoản 6 Điều 53; điểm c khoản 2 Điều 58; khoản 6 Điều 62; khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 64; khoản 6 Điều 65; khoản 7 Điều 72; khoản 2 Điều 75; khoản 6 Điều 75; khoản 2 Điều 76; khoản 4 Điều 77; khoản 6 Điều 79; điểm c khoản 5 Điều 81; khoản 3 Điều 83 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Quy định chi tiết thi hành khoản 6 Điều 58; khoản 1 Điều 63; khoản 4 Điều 64 và khoản 4 Điều 70 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Quy định chi tiết thi hành điểm đ khoản 1 Điều 26; khoản 5 Điều 42 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến các nội dung bảo vệ môi trường quy định tại Điều 1 Quy định này trên địa bàn tỉnh An Giang.”

Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh các nội dung sau:

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định ngắn gọn nhưng bao hàm đầy đủ phạm vi điều chỉnh và lưu ý bỏ đoạn đầu, đoạn cuối Điều 1 do thừa.

Đề xuất cơ quan soạn thảo quy định theo hướng: *“Quy định này quy định chi tiết một số nội dung của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.”*

Đồng thời, các cơ sở (điểm, khoản, Điều) được Luật, Nghị định và Thông tư giao Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chi tiết sẽ trình bày tại Tờ trình dự thảo Quyết định.

b) Đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh Điều 2 như sau: *“Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 1 của Quy định này trên địa bàn tỉnh An Giang.”*

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Căn cứ quy định tại Luật Bảo vệ môi trường (năm 2014), Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 ban hành Quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang, Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tuy nhiên, Luật Bảo vệ môi trường (năm 2014) đã được thay thế bởi Luật Bảo vệ môi trường (năm 2020). Do đó, nội dung tại Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND và Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND không còn phù hợp.

Đồng thời, theo điểm c khoản 5 Điều 51; khoản 4, điểm b khoản 6 Điều 52; khoản 6 Điều 53; điểm c khoản 2 Điều 58; khoản 6 Điều 62, khoản 6, 7, 8 Điều 64; khoản 6 Điều 65; khoản 7 Điều 72; khoản 2, 6 Điều 75; khoản 2 Điều 76; khoản 4 Điều 77; khoản 6 Điều 79; điểm c khoản 5 Điều 81; khoản 3 Điều 83; khoản 5 Điều 86 của Luật Bảo vệ môi trường (năm 2020) quy định:

“Điều 51. Bảo vệ môi trường đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

c) Ban hành quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;

Điều 52. Bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp

4. Việc khuyến khích xã hội hóa, ưu đãi, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn.

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

b) Ban hành quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp;”

Điều 53. Bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành lộ trình thực hiện đối với cơ sở quy định tại khoản 2 Điều này đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường.

Điều 58. Bảo vệ môi trường nông thôn

2. Trách nhiệm bảo vệ môi trường nông thôn được quy định như sau:

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, bố trí nguồn lực thực hiện nội dung về bảo vệ môi trường nông thôn; chỉ đạo, tổ chức việc xử lý các loại chất thải phát sinh trên địa bàn nông thôn; ban hành, hướng dẫn áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn;

Điều 62. Bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế và kiểm soát tác động của ô nhiễm môi trường đến sức khỏe con người

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế phù hợp với điều kiện của địa phương; chịu trách nhiệm thực hiện quản lý các chất ô nhiễm liên quan đến các vấn đề về bệnh tật và sức khỏe con người trên địa bàn.

Điều 64. Bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng

6. Chất thải từ hoạt động cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại đô thị phải được thu gom và chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp thực hiện theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 5 Điều này.

7. Chất thải từ hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn chưa có hệ thống thu gom, xử lý chất thải phải được tái sử dụng hoặc đổ thải theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch và nguồn nước mặt khác làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.

Điều 65. Bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển; có giải pháp phân luồng giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí đối với đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I.

Điều 72. Yêu cầu về quản lý chất thải

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý chất thải trên địa bàn; ban hành quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.

Điều 75. Phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân loại cụ thể chất thải rắn sinh hoạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều này trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có chính sách khuyến khích việc phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân.

6. Việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 76. Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm bố trí mặt bằng điểm tập kết, trạm trung chuyển đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 77. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

4. Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải sử dụng thiết bị, phương tiện được thiết kế phù hợp đối với từng loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; việc vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải thực hiện theo tuyến đường, thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 79. Chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại.

Điều 81. Phân loại, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường

5. Việc vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng yêu cầu sau đây:

c) Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý phải có thiết bị định vị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, hoạt động theo tuyến đường và thời gian quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 83. Khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải nguy hại

3. Chất thải nguy hại khi vận chuyển phải được lưu chứa và vận chuyển bằng thiết bị, phương tiện chuyên dụng phù hợp đến cơ sở xử lý chất thải. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải lắp đặt thiết bị định vị; hoạt động theo tuyến đường và thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 86. Thu gom, xử lý nước thải

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Đầu tư, khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn thuộc trách nhiệm đầu tư của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Ban hành lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải;

c) Ban hành lộ trình và chính sách hỗ trợ để tổ chức, hộ gia đình trong đô thị, khu dân cư tập trung xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận trong trường hợp không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung đã hình thành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

d) Ban hành lộ trình thực hiện và chính sách hỗ trợ thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại các khu dân cư không tập trung.”.

Tại khoản 4 Điều 64 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường quy định:

“Điều 64. Lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định và tổ chức triển khai hoạt động quản lý chất thải nhựa; bảo đảm sau năm 2025, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xếp đóng gói, chứa đựng thực phẩm) tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch, trừ sản

phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học; tổ chức thanh tra, kiểm tra các đơn vị sản xuất sản phẩm nhựa sử dụng một lần và bao bì nhựa khó phân hủy sinh học trên địa bàn.”

Tại khoản 1 Điều 28 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 28. Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.”

Tại khoản 3 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Văn bản quy phạm pháp luật chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản quy phạm pháp luật của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền....”

Căn cứ quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang (thay thế Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND và Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND) là ***cần thiết và đúng thẩm quyền***.

3. Dự thảo Quyết định

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo đánh số trang theo quy định tại Điều 76 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“Điều 76. Khố giấy, định lề trang văn bản, phong chữ, đánh số trang văn bản

...

Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng chữ số Ả Rập, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, không đánh số trang thứ nhất, được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản. Số trang của phụ lục được đánh số riêng theo từng phụ lục.”

b) Điều 2

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh Điều 2 như sau:

“Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2023 và thay thế Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.”

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cụm từ “Sở, Ban, ngành” thành “sở, ban, ngành” tại Điều 3 và toàn bộ dự thảo Quyết định.

d) Nơi nhận

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh, bổ sung Nơi nhận theo quy định Điều 67 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 67. Nơi nhận

1. Nơi nhận văn bản gồm: cơ quan giám sát, cơ quan kiểm tra, cơ quan ban hành văn bản, cơ quan Công báo và các cơ quan, tổ chức khác, tùy theo nội dung của văn bản.

2. Từ “Nơi nhận” được trình bày trên một dòng riêng, ngang hàng với dòng chữ “quyền hạn, chức vụ của người ký” và sát lề trái, sau có dấu hai chấm (:), bằng chữ in thường, cỡ chữ 12, kiểu chữ nghiêng, đậm.

Phần liệt kê các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân nhận văn bản được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ 11, kiểu chữ đứng; tên mỗi cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân hoặc mỗi nhóm cơ quan, tổ chức, ...”

Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cơ quan “Trung tâm TH Công báo tỉnh;” thành “Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;”.

4. Dự thảo Quy định

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dự thảo Quy định theo góp ý tại khoản 1, 3 Báo cáo này.

b) Đề đảm bảo theo quy định tại Mẫu số 19 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên gọi dự thảo Quy định như sau:

QUY ĐỊNH

Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang

(Kèm theo Quyết định số .../2023/QĐ-UBND

ngày ... tháng ... năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

c) Viện dẫn

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày viện dẫn theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật

...

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 75 như sau:

“1. 1. Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; ngày, tháng, năm thông qua hoặc ký ban hành văn bản; tên cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản và tên gọi văn bản. Trong lần viện dẫn tiếp theo, đối với luật, pháp lệnh, ghi đầy đủ tên loại văn bản, tên gọi của văn bản; đối với các văn bản khác, ghi tên loại, số, ký hiệu của văn bản đó.””

Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh thống nhất tên Luật như sau: “*Luật Bảo vệ môi trường năm 2020*” thành “*Luật Bảo vệ môi trường*”.

d) Ngôn ngữ, dấu câu

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh thống nhất cách trình bày cấp chính quyền địa phương (“*cấp huyện*” hay “*huyện, thị xã, thành phố*”; “*cấp xã*” hay “*xã, phường, thị trấn*”; trường hợp trình bày cụ thể, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cụm từ “*huyện, thành phố*” thành “*huyện, thị xã, thành phố*”).

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh tên cơ quan như sau: “*Sở Lao động, Thương binh và Xã hội*” thành “*Sở Lao động - Thương binh và Xã hội*”; “*Sở Công thương*” thành “*Sở Công Thương*”; “*Kho Bạc nhà nước tỉnh*” thành “*Kho bạc Nhà nước tỉnh*”; “*Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh*” thành “*Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh*”

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh các từ, cụm từ sau: “*Quyết định này*” thành “*Quy định này*”; “*Sở, ban, ngành*” và “*sở, ngành*” thành “*sở, ban, ngành*”; “*Ủy ban nhân dân*” thành “*Ủy ban nhân dân*”; “*nhân dân*” thành “*Nhân dân*”; “*thu gom và vận chuyển*” thành “*thu gom, vận chuyển*”.

Tại Điều 2 dự thảo Quy định, cơ quan soạn thảo đã thực hiện quy ước như sau: “*Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân (sau đây viết tắt là tổ chức, cá nhân)*”, tuy nhiên, tại các Điều 11, 12, 16, 19, 22, 38, 41 của dự thảo Quy định còn chưa trình bày theo quy ước, cụ thể: “*tổ chức, cá nhân, hộ gia đình*”. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh thống nhất trong toàn bộ dự thảo Quy định.

Tương tự, tại khoản 4, 5 Điều 3 dự thảo Quy định, cơ quan soạn thảo đã thực hiện quy ước viết tắt: “*Chất thải rắn sinh hoạt (sau đây viết tắt là CTRSH)*” và “*Chất thải rắn sinh hoạt nguy hại (sau đây viết tắt là CTNH)*”, tuy nhiên, các cụm từ đã được quy ước viết tắt này chưa được sử dụng theo quy ước, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh thống nhất trong toàn bộ dự thảo Quy định.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dấu câu, dấu cách trong toàn bộ dự thảo Quy định.

đ) Tại khoản 2 Điều 8 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 8. Ngôn ngữ, kỹ thuật văn bản quy phạm pháp luật

2. Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác.”

Tại khoản 2 Điều 62 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định:

“Điều 62. Bố cục của văn bản

2. Mỗi điểm trong bố cục của văn bản chỉ được thể hiện một ý và phải được trình bày trong một câu hoàn chỉnh hoặc một đoạn, không sử dụng các ký hiệu khác để thể hiện các ý trong một điểm.”

Căn cứ các quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dự thảo Quy định, quy định rõ ràng, cụ thể các nội dung cần điều chỉnh, không quy định bằng dấu ba chấm. Đồng thời, không quy định lại các nội dung đã được quy định rõ ràng, cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật khác.

e) **Bố cục, tên các Chương, Mục**

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh việc phân bổ và đặt tên, chia Mục tại Chương II phù hợp hơn; đề xuất gộp các nhóm nội dung có liên quan hoặc tương tự về nội dung lại với nhau; đồng thời rà soát sự cần thiết chia thành các Mục tại Chương II; Đề xuất cơ quan soạn thảo không đặt tên Điều trùng tên Mục và 1 Mục 1 Điều.

Trong trường hợp cơ quan soạn thảo nhận thấy cần thiết chia các Mục, đề nghị thống nhất cách đặt tên các Mục trong toàn bộ dự thảo Quy định (Ví dụ: Mục 2, 3, 4: “*Quản lý + cụm từ quy định*” nhưng Mục 8 lại là “*Quy định và tổ chức triển khai hoạt động quản lý chất thải nhựa*”).

Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát quy định tại Mục 6, 7 có thuộc nội dung quản lý không, nếu thuộc, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh dự thảo Quy định phù hợp hơn.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh tên các Mục phù hợp, chính xác, cụ thể:

Mục 2: đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ “*trên địa bàn tỉnh*” do thừa.

Mục 3: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát tên Mục phù hợp nhất với nội dung cụ thể tại Điều 9.

Mục 6: đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ “*Quy định về*” sau cụm từ “*chất thải rắn sinh hoạt*”. Đồng thời, bỏ cụm từ “*Quy định về*” tại tên các Điều trong toàn bộ dự thảo Quy định.

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên Chương III thành “**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**” và bỏ Chương IV (Điều 45 của Chương IV thuộc Chương III).

g) Điều 3

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự cần thiết quy định khoản 4, 5, 6, 10, 11 Điều 3 với Luật Bảo vệ Môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “2. Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác.”

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát quy định tại khoản 8 phù hợp chưa “8. **Đơn vị** thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công kênh **là tổ chức, cá nhân** được giao thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt hoặc chất thải công kênh.”

h) Điều 4

Tại điểm c khoản 5 Điều 51; khoản 4, điểm b khoản 6 Điều 52 của Luật Bảo vệ môi trường (năm 2020) quy định:

“Điều 51. Bảo vệ môi trường đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

c) Ban hành quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;”

“Điều 52. Bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp

4. Việc khuyến khích xã hội hóa, ưu đãi, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng bảo vệ môi trường cụm công nghiệp được thực hiện theo quy định của Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn.”

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

b) Ban hành quy định khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp;”

Căn cứ các quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát việc quy định tại Điều 4 dự thảo Quy định đã quy định chi tiết, cụ thể nội dung được giao chưa.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định cụ thể đối với nội dung “2. Các hoạt động bảo vệ môi trường ... được hỗ trợ miễn, giảm về tiền thuê đất và giá cho thuê cơ sở hạ tầng và các ưu đãi khác theo quy định pháp luật.”

Đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “thuộc danh mục của Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP” thành “quy định tại Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP”.

i) Điều 5

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “khoản 1 của Điều này” thành “khoản 1 Điều này”; rà soát sự phù hợp của từ “ban hành”, đề xuất điều chỉnh thành từ “cấp” do phía trước là “giấy phép môi trường và giấy phép môi trường thành phần”.

k) Điều 7

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh tên Điều phù hợp, cụ thể: “Thu gom, vận chuyển, chất thải rắn...” thành “Thu gom, vận chuyển chất thải rắn...”.

Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ từ “cho phép” tại khoản 3, 4 do thừa.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh thống nhất cụm từ “chất thải rắn y tế nguy hại” tại toàn bộ Điều 7 (do tại khoản 3 Điều 7 có sử dụng cụm từ “chất thải y tế nguy hại”).

Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ đoạn “chất thải rắn y tế nguy hại phải được đóng gói theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 20/2021/TT-BYT và tránh làm rơi vãi hoặc phát tán chất thải trên đường vận chuyển” tại khoản 3 do thừa.

Tại khoản 4 Điều 12 của Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế quy định:

“Điều 12. Chuyển giao chất thải y tế

4. Cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải y tế nguy hại theo mô hình cụm do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương **phê duyệt**; việc bàn giao chất thải y tế để xử lý theo mô hình cụm phải được ghi vào sổ giao nhận chất thải y tế nguy hại theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này.”

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát cụm từ “4. Đối với Trung tâm y tế các huyện, cho phép có thể quyết định tư bố trí cụm thu gom chất thải y tế nguy hại...” tại khoản 4 Điều 7 dự thảo Quy định phù hợp không. Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ khoản 6 do thừa.

l) Điều 8

Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ “Đối với phương pháp” tại tên Điều do thừa.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát cụm từ “*cho các cơ sở y tế lân cận (mô hình cụm)*” và “*của các bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn thị xã Tân Châu, thành phố Châu Đốc*” tại điểm b khoản 1 có bị trùng không, nếu trùng, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh phù hợp.

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “*Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia*” và “*Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia*” thành “*quy chuẩn kỹ thuật quốc gia*”; bỏ từ “*chỉ định*” sau từ “*quyết định*” tại khoản 3.

m) Điều 9

Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cụm từ “*Quy định về*” tại tên Điều và từ “*Quy định*” tại tên khoản 2. Đồng thời, rà soát nội dung và tên khoản 2 phù hợp không.

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát điểm b, c và 1 phần điểm a khoản 2 có thuộc nội dung về điều kiện để xác định khu vực, địa điểm đổ thải hay không, nếu có, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh phù hợp quy định tại Điều 9.

Qua rà soát Điều 9 dự thảo Quy định, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự cần thiết quy định khoản 1, 2 Điều 3 dự thảo Quy định (do Điều 9 không quy định riêng lẻ về khu vực đổ thải và địa điểm đổ thải). Đồng thời, nghiên cứu có cần thiết quy định về điều kiện cụ thể để xác định khu vực đổ thải và địa điểm đổ thải.

n) Điều 10

Tại khoản 6,7, 8 Điều 64 của Luật Bảo vệ môi trường quy định:

“Điều 64. Bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng

6. *Chất thải từ hoạt động cải tạo, phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại đô thị phải được thu gom và chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trừ trường hợp thực hiện theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 5 Điều này.*

7. *Chất thải từ hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn chưa có hệ thống thu gom, xử lý chất thải phải được tái sử dụng hoặc đổ thải theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch và nguồn nước mặt khác làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.*

8. *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng; bùn thải từ bể phốt, hầm cầu và bùn thải từ hệ thống thoát nước.”*

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát Điều 10 dự thảo Quy định đã quy định đầy đủ, phù hợp chưa.

Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định rõ cụm từ “*các khu vực đất phù hợp khác thì phải được thu gom và chuyển giao cho các đối tượng có chức năng xử lý theo quy định*” tại điểm đ khoản 3.

o) Mục 5 và Điều 12

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự cần thiết quy định Điều 11, Điều 14 (nội dung Điều 14 đã được quy định tại Điều 78 của Luật Bảo vệ môi trường và không giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết). Đồng thời, tại Mục 5 dự thảo Quy định quy định về: “*Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công kênh*” theo khoản 7 Điều 72; khoản 2, 6 Điều 75; khoản 4 Điều 77; khoản 6 Điều 79 của Luật Bảo vệ môi trường (năm 2020), tuy nhiên, qua rà soát nhận thấy nội dung tại Mục 5 chưa đảm bảo đầy đủ, chi tiết các quy định trên, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định phù hợp hơn.

Điều 12: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát nội dung Điều 12 có đầy đủ, phù hợp với tên Điều chưa và tên Điều 12 có phù hợp với nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh được giao quy định hay không; Đồng thời, rà soát cụm từ “*Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, cá nhân, hộ gia đình được phân loại tại nguồn*” có phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Bảo vệ môi trường không: “*Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân được phân loại theo nguyên tắc như sau*”; Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, thống nhất từ “*nước rỉ*” hay “*nước rò rỉ*” tại Điều này và toàn bộ dự thảo Quy định.

p) Điều 13

Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ ràng hơn việc vận chuyển chất thải rắn trong khu nội ô của khu đô thị; rà soát cơ quan, cá nhân nào có thẩm quyền, trách nhiệm thực hiện việc “*bố trí các thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt*” tại khoản 2.

Tại khoản 3 và điểm b khoản 7 Điều 77 của Luật Bảo vệ môi trường quy định:

“3. Cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, cộng đồng dân cư, đại diện khu dân cư trong việc xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt và công bố rộng rãi.”

7. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau đây:

b) Chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở để xác định thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom chất thải rắn sinh hoạt;”

Căn cứ các quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự phù hợp của khoản 7 Điều 13 dự thảo Quy định: “*Tùy vào đặc điểm của mỗi khu vực dân cư, tuyến đường, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với đơn vị, cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở xác định thời gian, địa điểm, tần suất thu gom chất thải rắn sinh hoạt*”.

Tại khoản 1 Điều 77 của Luật Bảo vệ môi trường quy định:

*“1. Ủy ban nhân dân các cấp lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thông qua hình thức **đấu thầu** theo quy định của pháp luật về đấu thầu; trường hợp không thể lựa chọn thông qua hình thức đấu thầu thì thực hiện theo hình thức **đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.**”*

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự phù hợp của điểm d khoản 7 Điều 13 dự thảo Quy định: *“**Chất thải rắn sinh hoạt nguy hại: Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ điều kiện thực tế của địa phương tổ chức, ký hợp đồng với cơ sở xử lý chất thải nguy hại để thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý tùy thuộc vào khối lượng chất thải phát sinh.**”*

q) Điều 15

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát quy định đối với “*áp*”, có quy định đối với “*khóm*” không, nếu có, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung tại Điều này và toàn bộ dự thảo Quy định.

r) Điều 16, 17

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát quy định phân loại đối với chất thải rắn công kênh đã rõ ràng, cụ thể chưa.

Đề nghị cơ quan soạn thảo gộp Điều 16 và Điều 17 thành 1 Điều (Điều 16, 17 dự thảo Quy định đang phân chia nội dung thu gom và vận chuyển chất thải rắn công kênh thành 2 Điều, tuy nhiên, tại nội dung quy định tại 2 Điều này lại có sự trùng lặp – Điều 16, 17 đều có nội dung về thu gom, vận chuyển).

s) Mục 6

Điều 18: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự phù hợp của điểm a khoản 1, theo đó, khoản 1 đang quy định về tuyến đường vận chuyển nhưng điểm a lại quy định về phương tiện vận chuyển; đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ ràng hơn quy định về tuyến đường, thời gian vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 19: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự phù hợp, cần thiết của khoản 1, 2, 3, 5 của Điều 19 dự thảo Quy định, đồng thời, rà soát nội dung được giao tại khoản 6 Điều 79 của Luật Bảo vệ môi trường đã được quy định cụ thể, chi tiết chưa (trừ quy định cụ thể về giá).

t) Mục 7

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự cần thiết quy định khoản 1 Điều 20 và khoản 1 Điều 21 do nội dung này không được giao và cũng đã được quy định rõ ràng, cụ thể tại Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh thống nhất bố cục tại Điều 20, Điều 21, đồng thời, quy định rõ ràng hơn về tuyến đường vận chuyển.

u) Mục 8 (Điều 22)

Tại khoản 4 Điều 64 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định:

“Điều 64. Lộ trình hạn chế sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định và tổ chức triển khai hoạt động quản lý chất thải nhựa; bảo đảm sau năm 2025, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học (gồm túi ni lông khó phân hủy sinh học, hộp nhựa xếp đóng gói, chứa đựng thực phẩm) tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch, trừ sản phẩm, hàng hóa có bao bì nhựa khó phân hủy sinh học; ...”

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự phù hợp của khoản 4 Điều 22 dự thảo Quy định.

v) Chương III

Điều 22: đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “*Xây dựng và trình*” thành “*tham mưu*” tại điểm g khoản 1; đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự phù hợp của điểm i khoản 1.

Điều 26: đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh dấu chấm phẩy cuối khoản 3 thành dấu chấm.

Điều 29: đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh từ “*hòa chỉnh*” thành “*hoàn chỉnh*” tại khoản 3.

Điều 31: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát cụm từ “*cơ sở giáo dục dạy nghề*” hay “*cơ sở giáo dục nghề nghiệp*” tại khoản 1.

Điều 32: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát từ “*danh thắng*” tại khoản 2 chính xác chưa.

Điều 34: đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, quy định rõ khoản 4, theo đó, quy định rõ “*...thực hiện các nội dung quy định này*” hay “*...thực hiện các nội dung của Quy định này*”.

Điều 35: Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ Điều 35 do thừa. Lý do: Thứ nhất, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh đã có Thông báo số 83/TB-HĐPH ngày 15 tháng 10 năm 2021 phân công trách nhiệm thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh An Giang, theo đó, tại khoản 16 phân công trách nhiệm cho ông Tô Hoàng Môn, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường như sau: “*Chỉ đạo phổ biến giáo, giáo dục pháp luật về lĩnh vực tài nguyên, môi trường cho cán bộ, công chức, viên chức, Nhân dân trên địa bàn tỉnh*”; thứ hai, công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật, phối hợp trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đã được quy định cụ thể tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP; Thứ ba, tại khoản 9 Điều 39 của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết

một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định “9. *Sở Tư pháp chủ trì, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại địa phương.*” và việc tham mưu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường do cơ quan chuyên môn thực hiện. Do đó, việc quy định Điều 35 là không cần thiết.

Điều 41: đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “*quy định này*” thành “*Quy định này*” tại điểm a khoản 2.

Điều 43: “*các tổ chức chính trị - xã hội*” là “*các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*” do đó, việc cơ quan soạn thảo quy định “*...Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chỉ đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên; các tổ chức chính trị - xã hội vận động toàn thể hội viên...*” là chưa phù hợp, đề nghị điều chỉnh chính xác hơn.

x) Điều 45

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cụm từ “*quy định này*” thành “*Quy định này*”.

5. Dự thảo Tờ trình

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày theo góp ý tại khoản 3, 4 của Báo cáo này và theo Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh phần mở đầu và phần cuối của dự thảo Tờ trình phù hợp, cụ thể:

Phần mở đầu: “Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định... như sau:”

Phần cuối: bỏ Mục V và điều chỉnh như sau:

“Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định ..., Sở Tài nguyên và Môi trường xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(*Xin gửi kèm theo: (các tài liệu đính kèm: dự thảo Quyết định; Báo cáo thẩm định; ...).*)”

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày Quốc hiệu và Tiêu ngữ, tên cơ quan ban hành văn bản theo quy định tại Điều 56 và khoản 2 Điều 57 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể:

“Điều 56. Quốc hiệu và Tiêu ngữ

1. Quốc hiệu là: “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM”. Quốc hiệu được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ từ 12 đến 13, kiểu chữ đứng, đậm và ở phía trên cùng, bên phải trang đầu tiên của văn bản.

2. Tiêu ngữ là: “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”. Tiêu ngữ được trình bày bằng chữ in thường, cỡ chữ từ 13 đến 14, kiểu chữ đứng, đậm và ở liền phía

dưới Quốc hiệu; chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối (-), có cách chữ; phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng độ dài của dòng chữ.

Điều 57. Tên cơ quan ban hành văn bản

2. Tên cơ quan ban hành văn bản được trình bày bằng chữ in hoa, kiểu chữ đứng, đậm, cỡ chữ 13,”

c) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày viên dẫn theo góp ý tại khoản 4 của Báo cáo này. Đồng thời, điều chỉnh thống nhất cách trình bày tên Luật trong toàn bộ dự thảo Tờ trình (trình bày chính xác tên Luật theo quy định và thống nhất có năm hay không có năm).

d) Mục I

Đề nghị cơ quan soạn thảo trình bày rõ ràng hơn sự cần thiết ban hành Quyết định.

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cách trình bày bố cục tại Mục I và toàn bộ dự thảo Tờ trình theo Mục, khoản (1, 2, 3,...) và điểm (a, b, c,...) và rà soát, điều chỉnh thống nhất cách trình bày cụm từ “UBND” hay “Ủy ban nhân dân” tại Mục I và toàn bộ dự thảo Tờ trình.

đ) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cụm từ “Sở, ban, ngành” thành “sở, ban, ngành”.

e) Mục IV

Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh chính xác cách trình bày Bố cục, và nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định (Quyết định đang xây dựng theo hình thức Quyết định gián tiếp; trình bày bố cục bao gồm bao nhiêu Điều, phân chia như thế nào và nội dung cơ bản của dự thảo Quyết định); Đề nghị bỏ phần phạm vi điều chỉnh và tên gọi Quyết định do thừa.

g) Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cỡ chữ tại phần ký tên thành 14.

6. Đề xuất cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh theo ý kiến thẩm định và gửi Sở Tư pháp thẩm định lại do còn nhiều nội dung quy định chưa rõ ràng, cụ thể.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Công thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL.

GIÁM ĐỐC

Cao Thanh Sơn